

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAM RÔNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 4 - 2023

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Hải Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà K’ Nga;

2. Bà Nguyễn Thị Bé.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Rông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Mỹ T, sinh năm: 1984;

Địa chỉ: Thôn B, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1981;

Địa chỉ: Thôn B, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng C. Trụ sở: Số A, phố L, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T1; Chức vụ: Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bạch Văn T2; chức vụ: Giám đốc Phòng C huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị Mỹ T trình bày:*

Bà T và ông H kết hôn với nhau năm 2008, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được 02 năm, từ năm 2010 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông H nhiều lần đánh đập, xúc phạm bà T. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hiện nay vợ chồng bà T không còn chung sống với nhau nữa, bà T thuê nhà trọ gần nhà cũ của hai vợ chồng sinh sống. Nay bà T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Bà T xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Trần Thảo N, sinh ngày: 19/5/2009 và Nguyễn Trần Thảo V, sinh ngày: 11/02/2016, hiện đang ở với ông H nhưng việc chăm sóc, nuôi dạy con đều do bà T lo liệu, khi ly hôn bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con đến khi trưởng thành và không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà T xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T xác định vợ chồng có nợ Ngân hàng C (qua Phòng giao dịch huyện Đ) số tiền 70.000.000 đồng và nợ N1 (qua Chi nhánh huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng) số tiền 800.000.000 đồng. Khi ly hôn bà T yêu cầu mỗi người có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số nợ này.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thanh H vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và không có quan điểm về việc giải quyết vụ án.*

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của Ngân hàng C - phòng giao dịch ngân hàng C huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thì:* Ngày 24/5/2022, bà Trần Thị Mỹ T và ông Nguyễn Thanh H vay Ngân hàng chính sách xã hội 02 món vay, vay chương trình Giải quyết việc làm với số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) theo khế ước nhận nợ số 6600000723249634, vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn với số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) theo khế ước nhận nợ số 6600000723249628, hạn trả 02 món vay là ngày 24/5/2027. Nay Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Đ yêu cầu vợ chồng bà Trần Thị Mỹ T và ông Nguyễn Thanh H có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng vay vốn cho Ngân hàng theo quy định.

Tòa án nhân dân huyện Đam Rông không tiến hành hòa giải được do ông H vắng mặt, đại diện Ngân hàng C có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và bà T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay, bà T có mặt, ông H vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến gì. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã cơ bản chấp hành quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành quy định của pháp luật.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Mỹ T được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H; Về con chung: Giao Nguyễn Trần Thảo N, sinh ngày: 19/5/2009 và Nguyễn Trần Thảo V, sinh ngày: 11/02/2016 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành phù hợp với nguyện vọng các cháu, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về nợ chung: buộc bà T và ông H có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng C (qua Phòng giao dịch huyện Đ) mỗi người trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ gốc và lãi suất phát sinh theo hợp đồng vay đã ký. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Mỹ T với ông Nguyễn Thanh H là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình. Bị đơn có nơi cư trú tại thôn B, xã R, huyện Đ. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 19/9/2008 tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện Đ thì quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Mỹ T với ông Nguyễn Thanh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp và phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc các đương sự vắng mặt: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, Đại diện Ngân hàng C có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Về yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Mỹ T:

[4.1] Bà Trần Thị Mỹ T trình bày trong quá trình chung sống thì hai vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông H nhiều lần đánh đập, xúc phạm bà T. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hiện nay vợ chồng bà T không còn chung sống với nhau nữa, bà T thuê nhà trọ gần nhà cũ của hai vợ chồng để sinh sống. Nay bà T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng,

mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

[4.2] Tòa án nhân dân huyện Đam Rông xác minh tại địa phương thì được biết vợ chồng bà T, ông H quá trình chung sống ở địa phương có xảy ra mâu thuẫn, ông H có hành vi bạo lực và bà T có nhập viện điều trị một thời gian, hiện nay hai vợ chồng không chung sống với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông H đều vắng mặt, thể hiện ông H không có thiện chí cũng như mong muốn đoàn tụ gia đình với bà T.

[4.3] Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Trần Thị Mỹ T và ông Nguyễn Thanh H là trầm trọng, không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu xin ly hôn của bà T là có cơ sở, cần căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[5] Về con chung: Bà T xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Trần Thảo N, sinh ngày: 19/5/2009 và Nguyễn Trần Thảo V, sinh ngày: 11/02/2016, hiện đang ở với ông H nhưng việc chăm sóc, nuôi dạy con đều do bà T lo liệu, khi ly hôn bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con đến khi trưởng thành trong khi ông H vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, bà T khẳng định thời gian gần đây hai cháu N và V đã về ở cùng với bà T và do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy. Tòa án xem xét nguyện vọng của cháu Thảo N và cháu Thảo V thì cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy các cháu đều là con gái, hiện nay mọi việc chăm sóc, sinh hoạt của hai chị em cháu N và V đều do bà T lo toan, do vậy việc giao 02 cháu Thảo N và Thảo V cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành theo quy định của pháp luật sẽ đảm bảo các điều kiện cho cháu phát triển bình thường. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con do bà T khẳng định đủ điều kiện chăm sóc con và không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[6] Về tài sản chung: Bà T xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[7] Về nợ chung: Hiện bà Trần Thị Mỹ T và ông Nguyễn Thanh H có vay Ngân hàng C - phòng giao dịch ngân hàng C huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng số tiền 70.000.000 đồng và Ngân hàng có yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà T và ông H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số nợ này. Hội đồng xét xử xác định đây là nợ chung và Ngân hàng yêu cầu hai vợ chồng cùng trả nợ nên cần buộc bà T và ông H phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng C - phòng giao dịch ngân hàng C huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng số tiền 70.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng vay đã ký, theo phần mỗi người là 35.000.000 đồng và lãi suất phát sinh tương ứng theo hợp đồng vay đã ký.

Ngoài ra, bà T xác định chồng có vay của Ngân hàng N2 thông qua Chi nhánh huyện Đ số tiền 800.000.000 đồng. Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện N2, tuy nhiên phía Ngân hàng không có văn bản yêu cầu gì, do vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này, nếu có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định; Bà T và ông H phải chịu án phí trên số tiền trả nợ cho Ngân hàng; Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và các điều 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 463, 465, 466 Bộ luật dân sự.
- Căn cứ vào các Điều 27, 37, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ T: Bà Trần Thị Mỹ T được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H.

2. Về con chung: Giao con chung là các cháu Nguyễn Trần Thảo N, sinh ngày: 19/5/2009 và Nguyễn Trần Thảo V, sinh ngày: 11/02/2016 cho bà Trần Thị Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật, ông Nguyễn Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về nợ chung: Buộc bà Trần Thị Mỹ T và ông Nguyễn Thanh H phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng C - phòng giao dịch ngân hàng C huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) và lãi suất phát sinh theo hợp đồng vay đã ký, theo phần mỗi người là 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng) và lãi suất phát sinh tương ứng theo hợp đồng vay đã ký.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn và 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số

0010173 ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đam Rông. Bà T còn phải nộp và 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng). Ông Nguyễn Thanh H phải chịu 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đam Rông;
- Chi cục THADS huyện Đam Rông;
- UBND xã Rô Men, huyện Đam Rông;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Hải Dương

